TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/03/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt.**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Hoàng Xuân Tụ**.
2. Bà **Phạm Thị Tư**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đinh Duy Toàn –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Chung**.

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Số 148 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh L. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Minh C**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà 93/6 đường H, Phường X, thành phố B, tỉnh L. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh C kết hôn với nhau từ năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, ông C không có sự quan tâm chia sẻ đối với bà, kinh tế gia đình chủ yếu do bà gánh vác mà không nhận được sự san sẻ giúp đỡ từ ông C, dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn khắc phục nhưng không đạt kết quả gì. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục chung sống do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông Trần Minh C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Ông Trần Minh C trình bày: Ông và bà H chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2009, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông chơi bời không lo làm ăn chăm sóc gia đình vợ con, dù đã nhiều lần cố gắng nhưng không hàn gắn được mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Khang, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án như sau: Về tố tụng: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà H được ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận; đề nghị giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Trần Minh C, địa chỉ: Số nhà 93/6 đường H, phường X, thành phố B, tỉnh L. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần Minh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn đúng theo qui định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của của các đương sự đều thừa nhận quá trình chung

sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, trong việc làm ăn kinh tế không có sự đồng thuận, mặc dù đã nhiều lần cố gắng nhưng không có biện pháp khắc phục được mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân 03 năm nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ và hợp pháp.

[3]. Về nuôi con chung: Bà H và ông C có 01 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012. Bà H, ông C đều có có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K; xét cháu K có nguyện vọng ở với mẹ, hiện bà H có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Trần Minh C.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh K, sinh ngày 09/01/2012 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà H có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004684 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, điều 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND TP. Bảo Lộc;
+ T.H.A Bảo Lộc;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã nơi ĐKKH
+ Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nguyệt.